

BÀI MỞ ĐẦU

NHẬP MÔN HÁN NGỮ

ThS. Nguyễn Thị Thu

热身 KHỞI ĐỘNG BÀI

What do you know about China and Chinese?



学习目标 MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Sơ lược về văn hóa, văn tự Trung Quốc;
- Giới thiệu về phiên âm và chữ Hán.

课堂结构 KẾT CẤU BÀI HỌC



汉字的造字法 - Phương pháp tạo chữ Hán



书写规律 - Quy tắc viết chữ Hán



汉语的发音 - Phát âm trong tiếng Hán



注意事项 - Những lưu ý khi học tiếng Hán

I. 汉字造字法 – PHƯƠNG PHÁP TẠO CHỮ HÁN

1. 象形: Tượng hình

2. 指事: Chỉ sự

3. 会意: Hội ý

4. 形声: Hình thanh

5. 转注: Chuyển chú

6. 假借: Giả tá

Bốn loại phương pháp tạo ra chữ Trung

创造文字的四种方法

Nguyên tắc vận dụng chữ Hán

运用文字的原则

I. 汉字造字法 – PHƯƠNG PHÁP TẠO CHỮ HÁN (tiếp theo)

Chữ tượng hình

仓颉 『造字聖人』
Thương hiệt

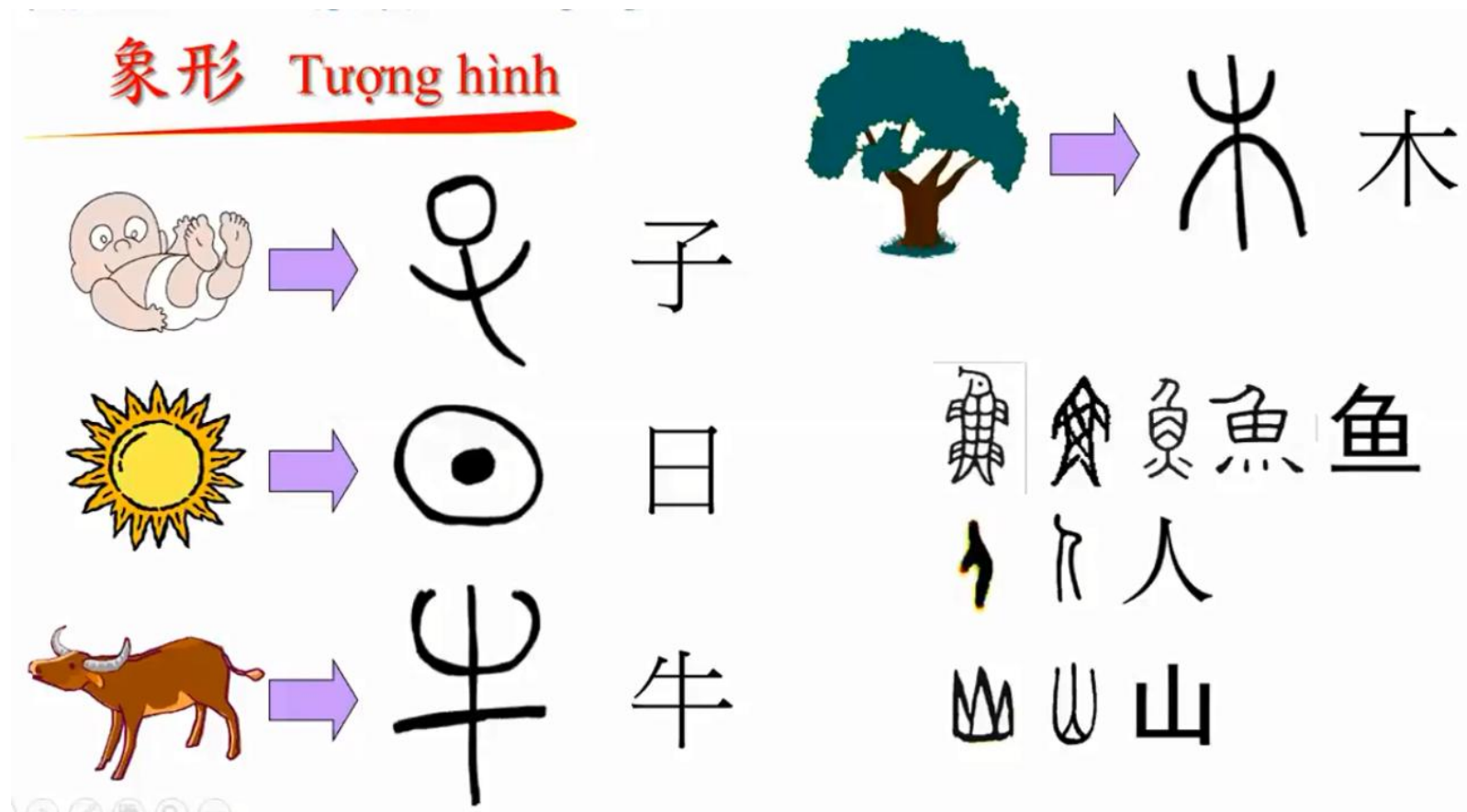


象形文字

chữ tượng hình



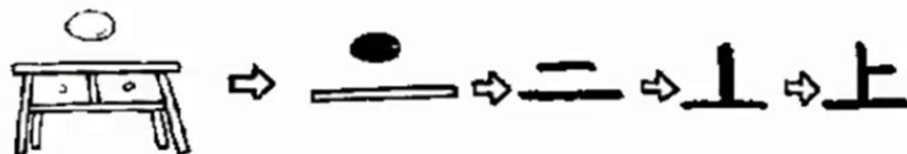
I. 汉字造字法 – PHƯƠNG PHÁP TẠO CHỮ HÁN (tiếp theo)



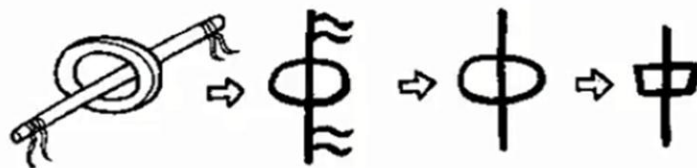
I. 汉字造字法 – PHƯƠNG PHÁP TẠO CHỮ HÁN (tiếp theo)

指事 Chỉ sự

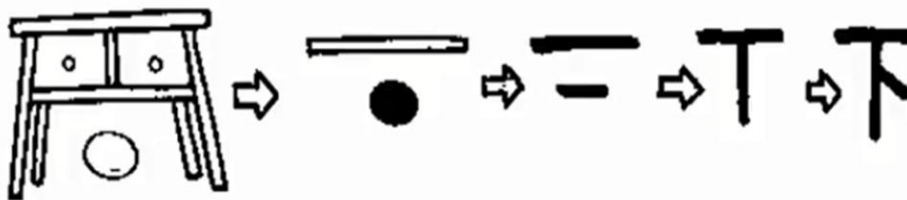
上、下、甘、寸、刃、本、
末、朱



Trên



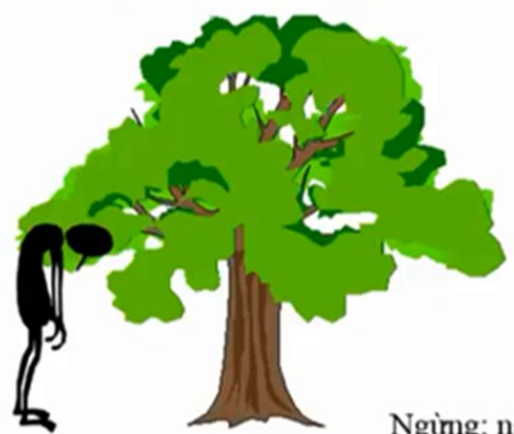
Giữa

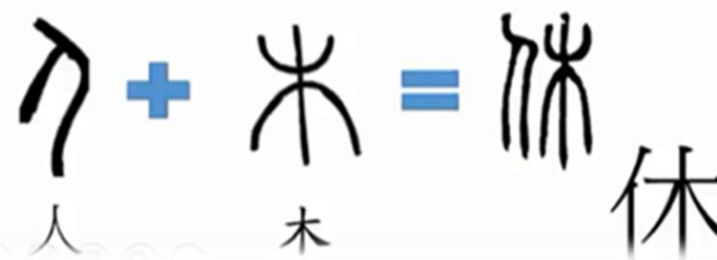


Dưới

I. 汉字造字法 – PHƯƠNG PHÁP TẠO CHỮ HÁN (tiếp theo)

会意 Hội ý

 Ngừng; nghỉ

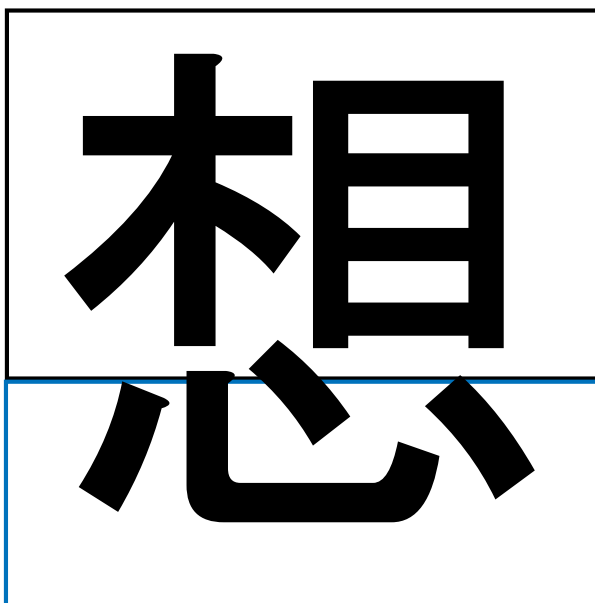
 人 + 木 = 休

 = 好

 = 明

I. 汉字造字法 – PHƯƠNG PHÁP TẠO CHỮ HÁN (tiếp theo)

Chữ Hình Thanh



xiǎng
nhớ, nghĩ

Mượn âm

Thanh bàng

相 - xiāng

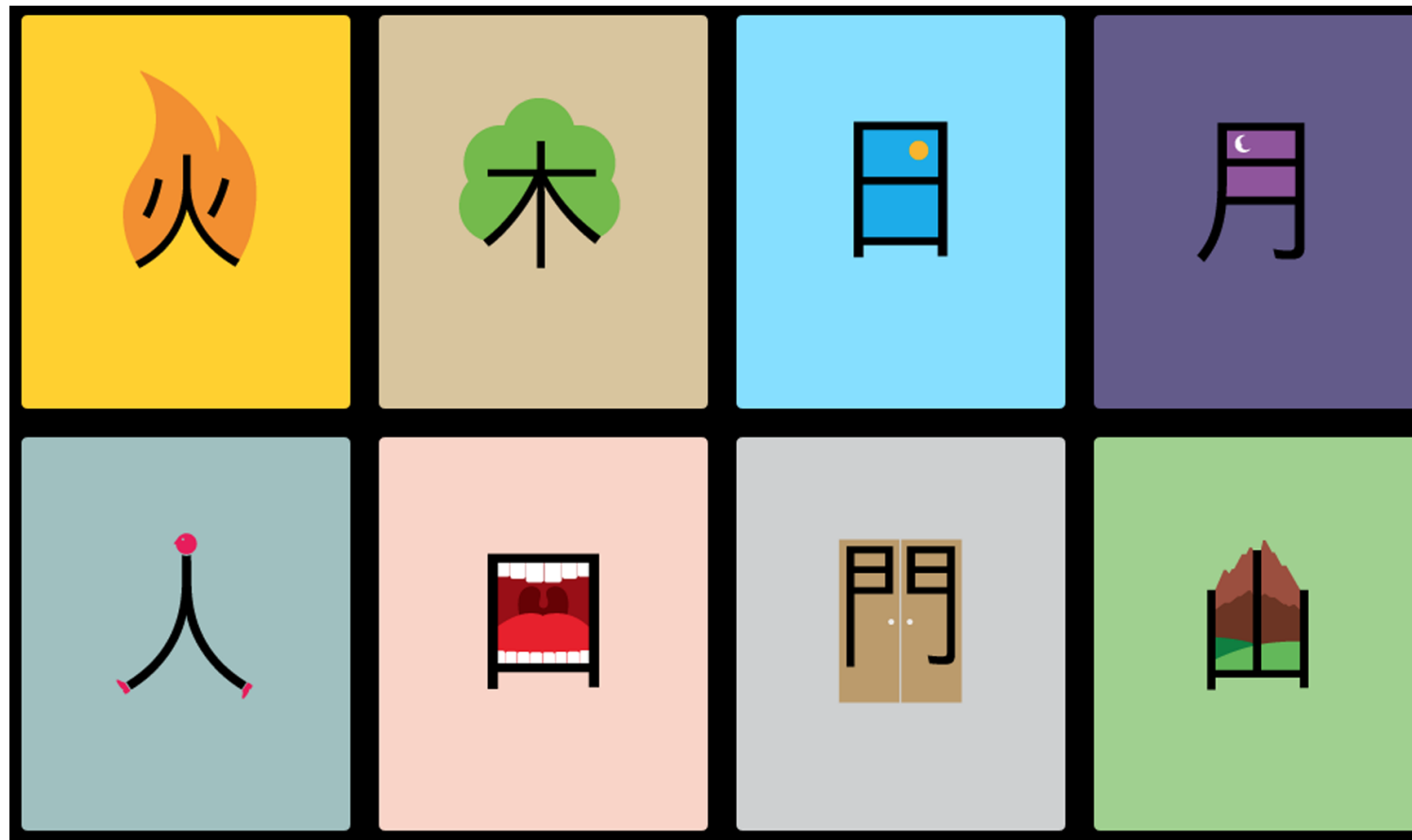
Mượn nghĩa

心 - xīn
Tim, trái tim

Hình bàng

I. 汉字造字法 – PHƯƠNG PHÁP TẠO CHỮ HÁN (tiếp theo)

Bộ thủ: 214 bộ



I. 汉字造字法 – PHƯƠNG PHÁP TẠO CHỮ HÁN (tiếp theo)

Bộ thủ “miên ” để chỉ mái nhà, mái che

Bộ thủ "miên宀" để chỉ mái nhà, mái che

家



jiā

Nhà, gia đình

宅



zhái

Chỗ ở

宿



sù

Ngủ đêm

宫



gōng

Cung điện

寓



yù

Ở, cư trú

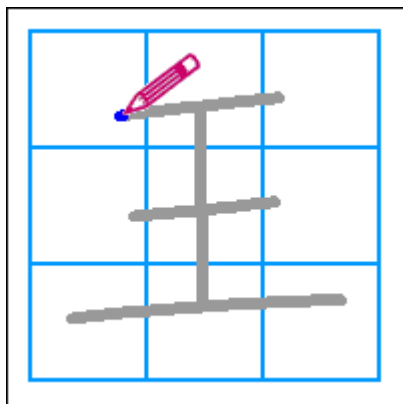
II. 书写规律 – QUY TẮC VIẾT CHỮ HÁN

- Hai quy tắc lớn khi viết chữ Hán mà bạn học nào cũng cần phải biết đó là viết đúng nét và đúng thứ tự.
- Bắt đầu hạ bút rồi nhắc bút lên thì được coi là 1 nét
 - Nét cơ bản: ngang, hất, chấm, sổ, phẩy, móc, móc;
 - Nét biến thể: khoảng 20 nét.

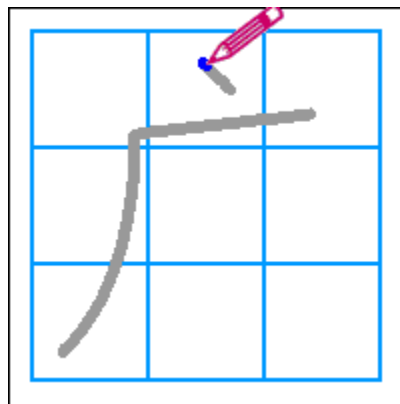
II. 书写规律 - QUY TẮC VIẾT CHỮ HÁN (tiếp theo)



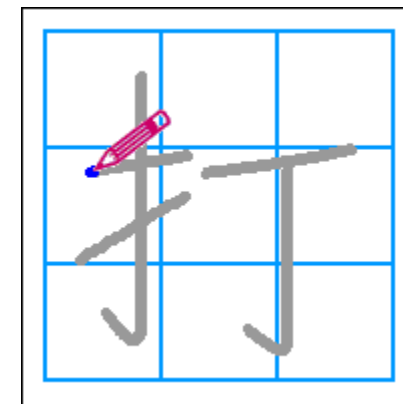
Nét ngang



Nét chấm



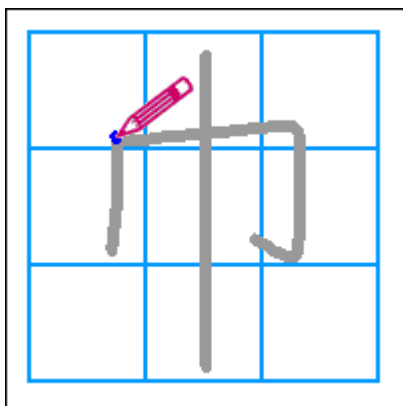
Nét hất



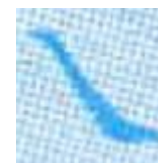
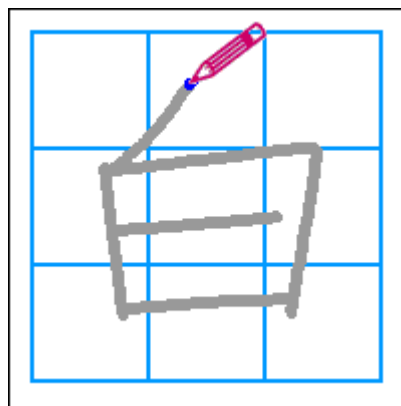
II. 书写规律 - QUY TẮC VIẾT CHỮ HÁN (tiếp theo)



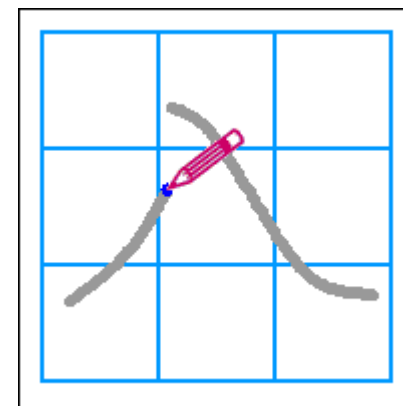
Nét sổ



Nét phẩy



Nét móc



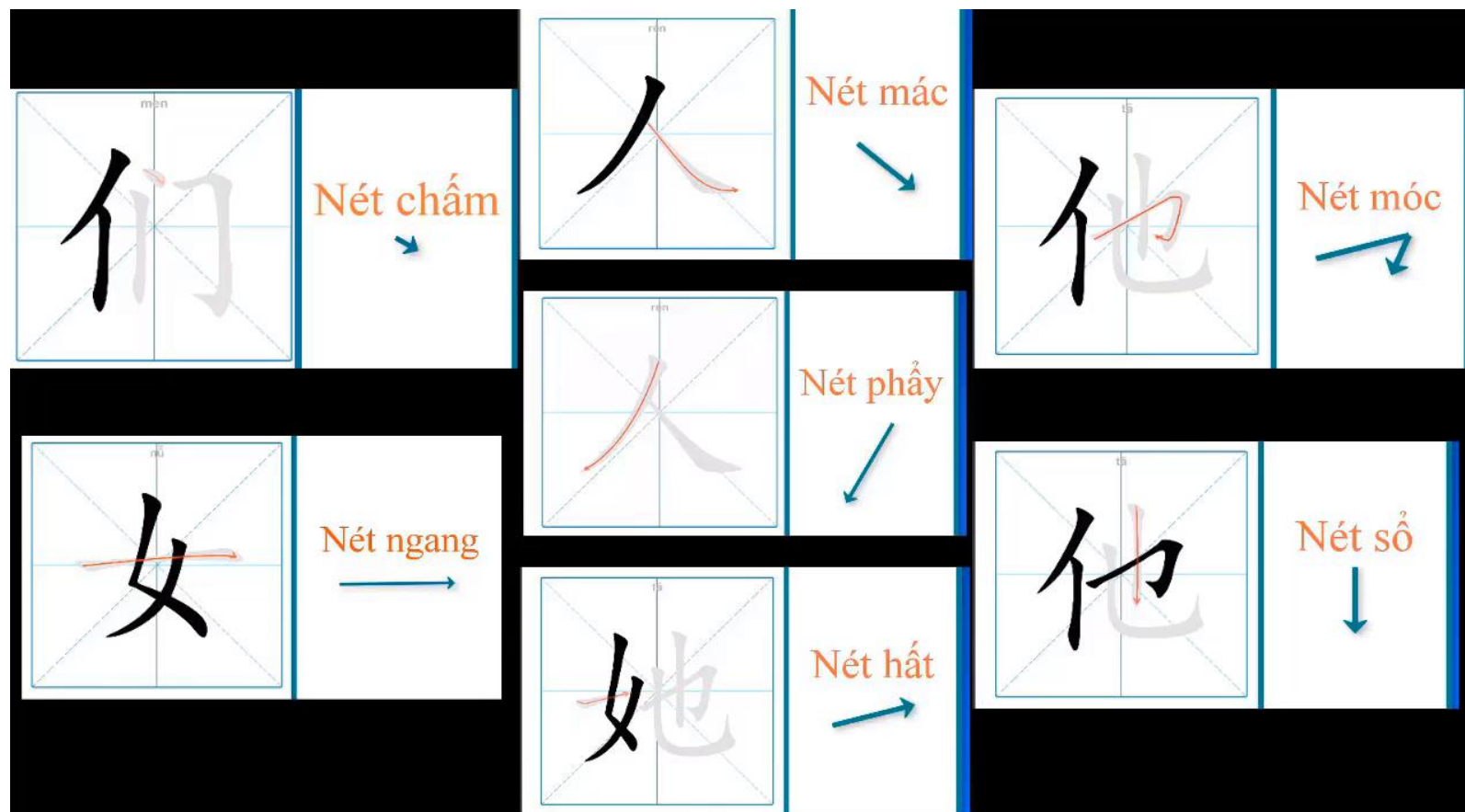
II. 书写规律 - QUY TẮC VIẾT CHỮ HÁN (tiếp theo)



	
NGANG MÓC	SÓ MÓC
Héng gōu	Shù gōu

II. 书写规律 - QUY TẮC VIẾT CHỮ HÁN (tiếp theo)

Clip giới thiệu về các nét chữ hán



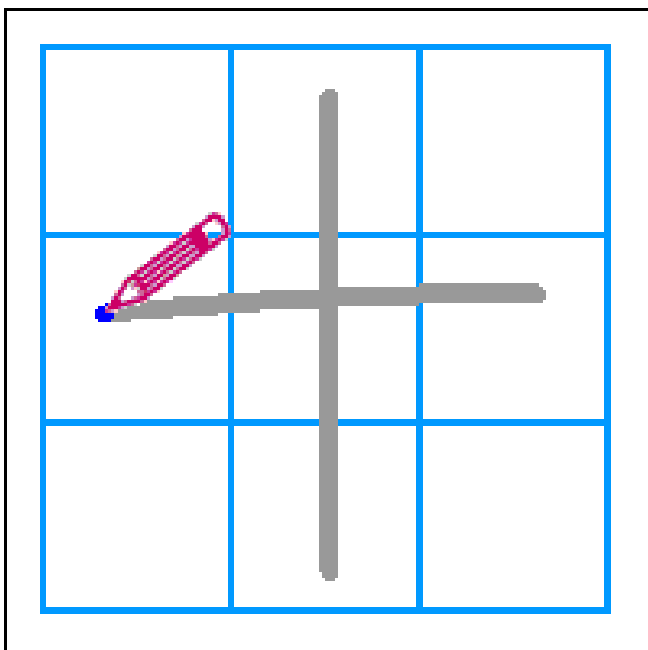
II. 书写规律 - QUY TẮC VIẾT CHỮ HÁN (tiếp theo)

Quy tắc bút thuận

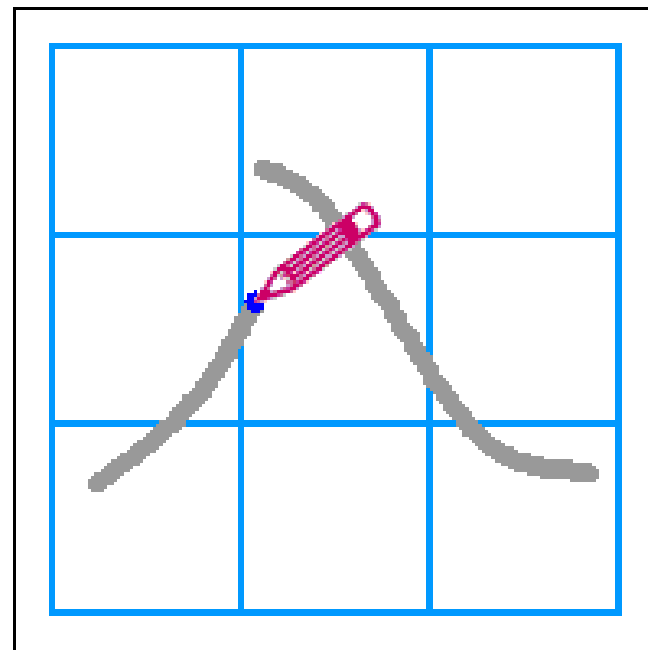
1. Ngang trước, sổ sau;
2. Phẩy trước, mác sau;
3. Trên trước, dưới sau;
4. Trái trước, phải sau;
5. Ngoài trước, trong sau;
6. Vào trước, đóng sau;
7. Giữa trước, hai bên sau.

II. 书写规律 - QUY TẮC VIẾT CHỮ HÁN (tiếp theo)

1. Ngang trước, sổ sau

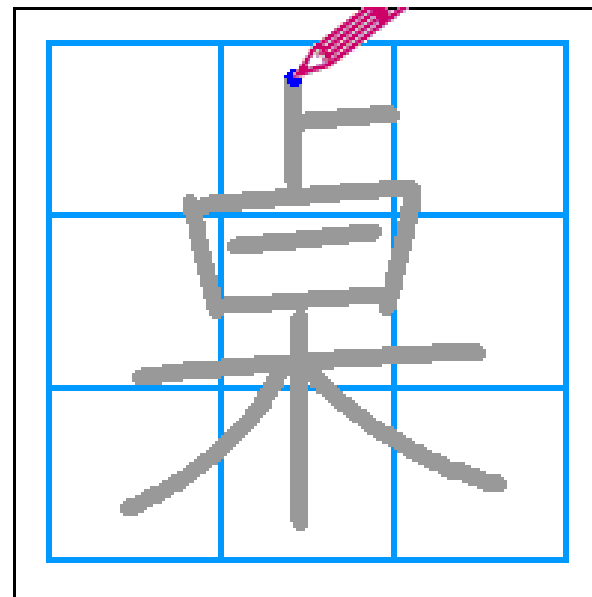
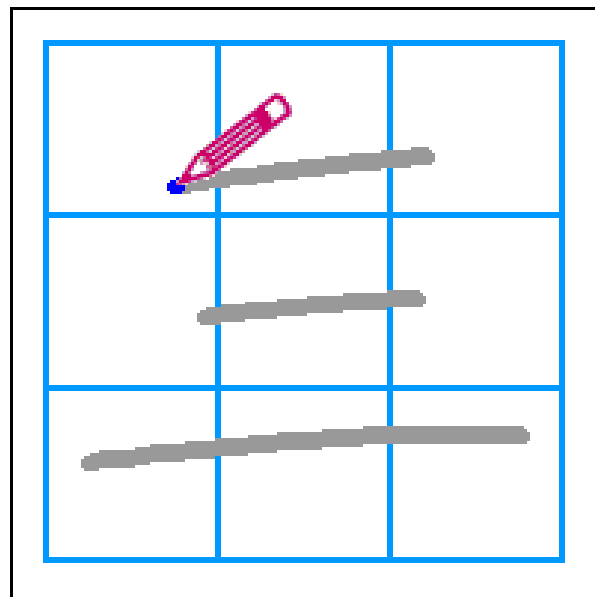


2. Phẩy trước, mác sau



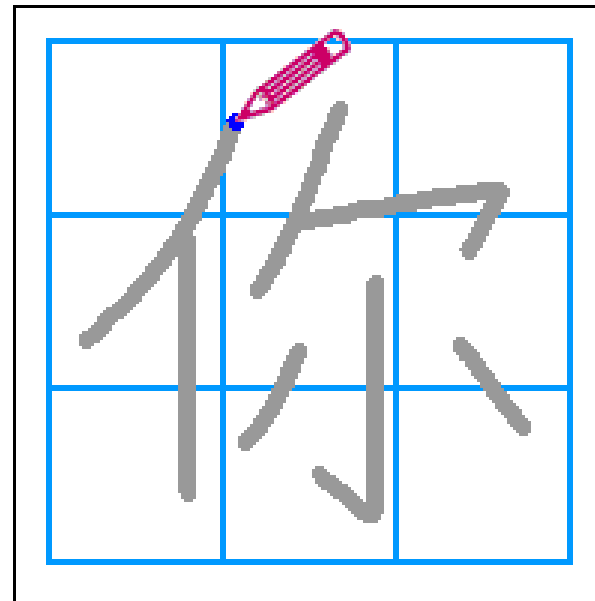
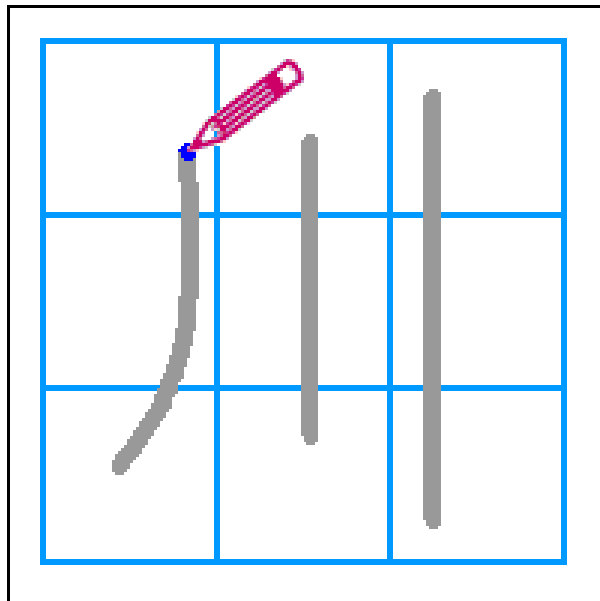
II. 书写规律 - QUY TẮC VIẾT CHỮ HÁN (tiếp theo)

3. Trên trước, dưới sau

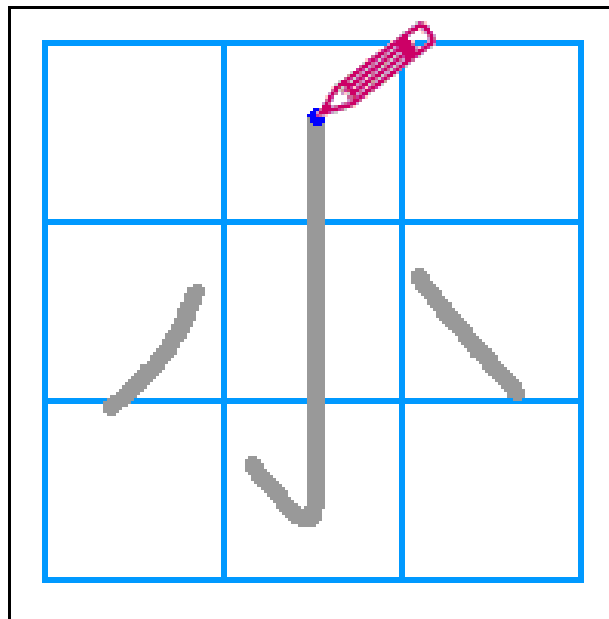


II. 书写规律 - QUY TẮC VIẾT CHỮ HÁN (tiếp theo)

4. Trái trước, phải sau

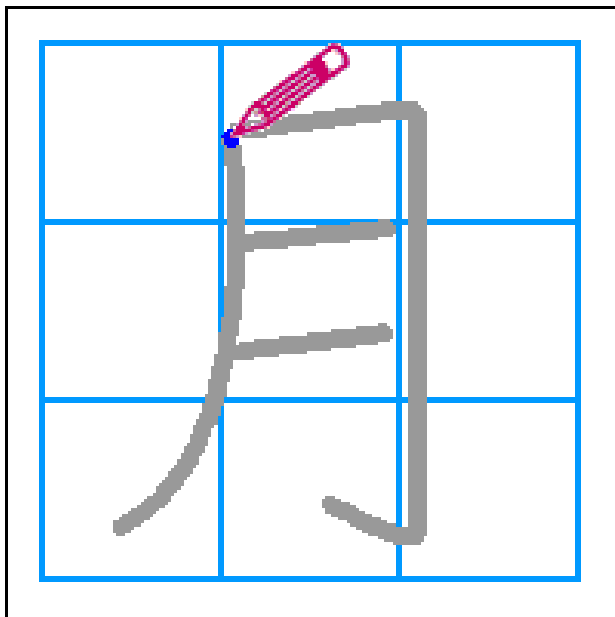


5. Giữa trước, hai bên sau

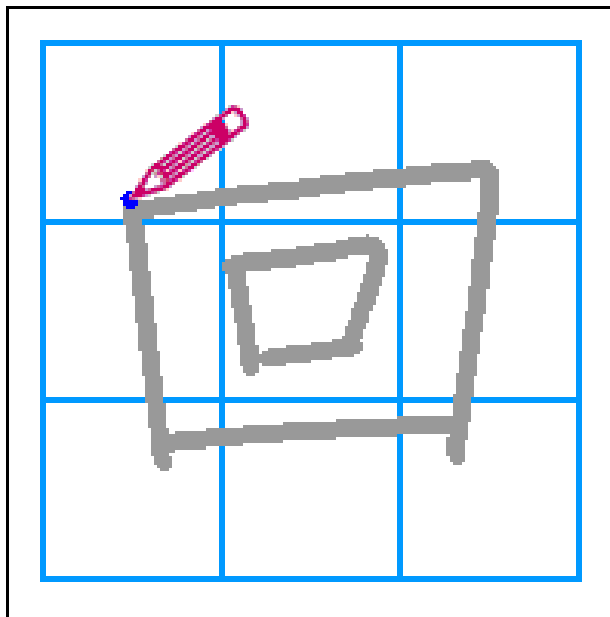


II. 书写规律 QUY TẮC VIẾT CHỮ HÁN (tiếp theo)

6. Ngoài trước, trong sau

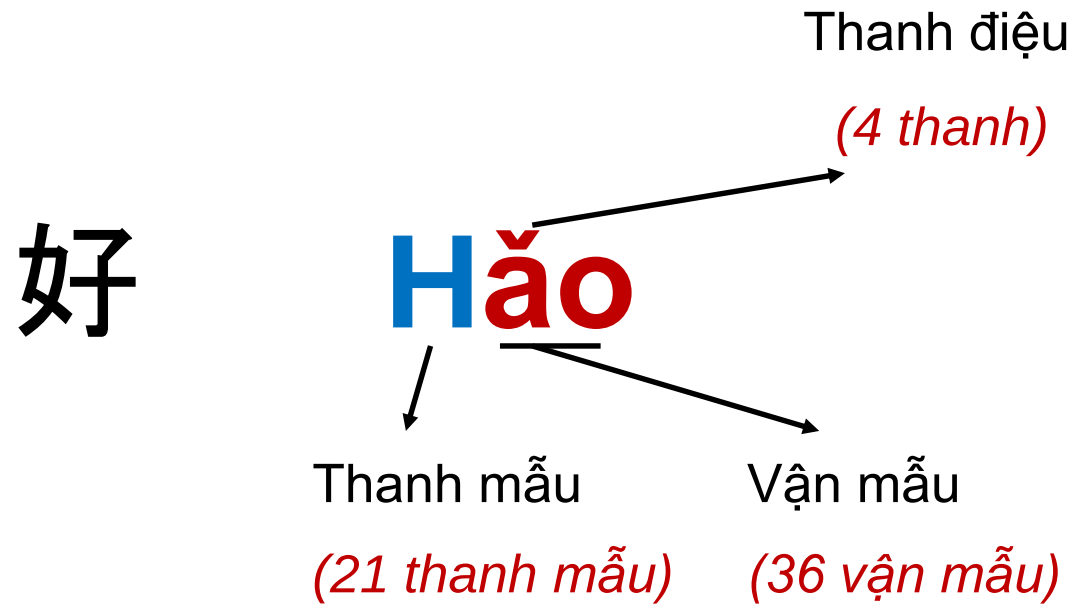


7. Vào trước, đóng sau



III. 汉语的发音 - PHÁT ÂM TRONG TIẾNG HÁN

Âm tiết trong tiếng Hán: Thanh mẫu + Vận mẫu + Thanh điệu



III. 汉语的发音 - PHÁT ÂM TRONG TIẾNG HÁN (tiếp theo)

Thanh mẫu: Thanh mẫu trong tiếng Hán bao gồm 7 tổ âm

- Âm môi: b, p, m
- Âm môi răng: f
- Âm đầu lưỡi : d, t, n, l
- Âm đầu lưỡi trước: z, c, s
- Âm đầu lưỡi sau: zh, ch, sh, r
- Âm mặt lưỡi: j, q, x
- Âm cuống lưỡi: g, k, h

III. 汉语的发音 - PHÁT ÂM TRONG TIẾNG HÁN (tiếp theo)

Vận mẫu

Trong vận mẫu ta chia ra làm 3 nhóm nhỏ:

- Vận mẫu đơn: a, o, e, i, u,,ü
- Vận mẫu kép: ai, ao, ou, ei, ia, ie, iao, iou (iu), ua, uo, uai, uei (ui)
- Vận mẫu mũi:
 - an, ang, en, eng, ong, ian, in, ing, iong, uan, uen (un), uang
 - ueng, ưan, ưn

Thanh điệu

Thanh điệu trong tiếng Trung bao gồm 4 thanh điệu chính: thanh 1, thanh 2, thanh 3, thanh 4 và 1 thanh điệu phụ là thanh nhẹ.

IV. 注意事项 - NHỮNG LƯU Ý KHI HỌC TIẾNG HÁN

- Chuẩn bị: Vở ô li và bút mực
- Cách học:
 - Học theo bộ thủ;
 - Học thuộc bài khóa.

总结 TỔNG KẾT

- Tổng quan về ngữ âm và chữ Hán.
- Những quy tắc khi viết phiên âm và chữ Hán.

